

Số: 146/2024/CBTT-CVS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CV**
 - Mã thành viên: 123
 - Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại liên hệ: (84-28) 7303 8008 Fax: (84-28) 5414 1535
 - E-mail: online@cvs.vn
- Nội dung thông tin công bố:
 - Báo cáo tài chính bán niên Công ty Cổ phần Chứng khoán CV cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (đã được soát xét);
 - Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế của 6T/2024 so với 6T/2023.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2024 tại đường dẫn <https://cvs.vn/cong-bo-thong-tin.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính bán niên Công ty Cổ phần Chứng khoán CV cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 (đã được soát xét);
- Công văn giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế của 6T/2024 so với 6T/2023.

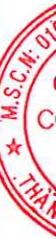


Nguyễn Lê Thúy



Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập
và Hoạt động số**

105/UBCK-GP

ngày 25 tháng 03 năm 2009

Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 29/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 05 năm 2024. Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh/Doanh nghiệp
số**

0307929497

ngày 25 tháng 03 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0307929497 ngày 29 tháng 05 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Quang Thuận
Ông Võ Trần Duy
Ông Đoàn Tử Tích Phước

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hạnh Đoàn
Ông Lê Trường Hoài Giang
Ông Trương Viết Tuấn

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Bà Trần Thị Thu Hương

(từ ngày 22 tháng 04 năm 2024)
Thành viên
(đến ngày 22 tháng 04 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tấn Huy
Bà Nguyễn Lê Thúy

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 2, Tòa nhà IMV
87 Hoàng Văn Thái
Phường Tân Phú, Quận 7
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 05 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *lac*

Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 08 năm 2024, được trình bày từ trang 05 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán CV tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 8 tháng 3 năm 2024 và báo cáo soát xét ngày 14 tháng 8 năm 2023.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-01-00599-24-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu B01a – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		327.228.319.998	40.189.646.015
Tài sản tài chính (“TSTC”)	110		325.428.616.083	39.559.098.216
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	54.246.505.572	9.547.355.043
<i>Tiền</i>	<i>111.1</i>		<i>4.486.505.572</i>	<i>4.047.355.043</i>
<i>Các khoản tương đương tiền</i>	<i>111.2</i>		<i>49.760.000.000</i>	<i>5.500.000.000</i>
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	113	7(a)	269.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản cho vay	114	7(b)	367.803.772	-
Các khoản phải thu	117	8	1.812.210.463	10.964.383
<i>Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC</i>	<i>117.2</i>		<i>1.812.210.463</i>	<i>10.964.383</i>
<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>117.4</i>		<i>1.812.210.463</i>	<i>10.964.383</i>
Trả trước cho người bán	118		-	750.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	8	2.096.276	28.790
Tài sản ngắn hạn khác	130		1.799.703.915	630.547.799
Tạm ứng	131		-	224.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	9(a)	1.799.703.915	406.547.799
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)	200		26.336.095.548	28.366.177.921
Tài sản cố định	220		24.833.455.394	26.825.274.141
Tài sản cố định hữu hình	221	10	15.482.886.081	16.793.242.128
<i>Nguyên giá</i>	<i>222</i>		<i>20.217.853.700</i>	<i>20.217.853.700</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>223a</i>		<i>(4.734.967.619)</i>	<i>(3.424.611.572)</i>
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.350.569.313	10.032.032.013
<i>Nguyên giá</i>	<i>228</i>		<i>12.949.312.000</i>	<i>12.949.312.000</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	<i>229a</i>		<i>(3.598.742.687)</i>	<i>(2.917.279.987)</i>
Tài sản dài hạn khác	250		1.502.640.154	1.540.903.780
Ký quỹ, ký cược dài hạn	251	12	258.446.000	226.446.000
Chi phí trả trước dài hạn	252	9(b)	1.124.113.992	1.314.457.780
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	13	120.080.162	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		353.564.415.546	68.555.823.936

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		4.811.651.456	5.145.736.500
Nợ phải trả ngắn hạn	310		4.811.651.456	5.145.736.500
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		14.880.450	209.207
Phải trả người bán ngắn hạn	320	14	1.882.262.580	2.643.775.838
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	15	522.080.455	131.483.086
Phải trả người lao động	323		-	339.331.769
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		144.611.900	144.611.900
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	16	2.240.773.580	1.880.658.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	329		7.042.491	5.666.700
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		348.752.764.090	63.410.087.436
Vốn chủ sở hữu	410		348.752.764.090	63.410.087.436
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	456.750.000.000	157.500.000.000
<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>411.1</i>		<i>456.750.000.000</i>	<i>157.500.000.000</i>
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>456.750.000.000</i>	<i>157.500.000.000</i>
Lỗi lũy kế	417		(107.997.235.910)	(94.089.912.564)
<i>Lỗi đã thực hiện</i>	<i>417.1</i>		<i>(107.997.235.910)</i>	<i>(94.089.912.564)</i>
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		353.564.415.546	68.555.823.936

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

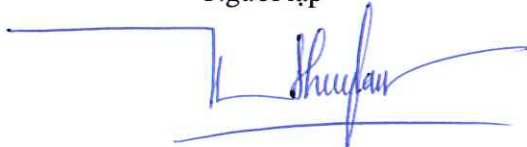
Mẫu B01a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Nợ khó đòi đã xử lý	004	18(a)	900.000.000	900.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng cổ phiếu)	006	17	45.675.000	15.750.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (“VSD”) của Nhà đầu tư	021	18(b)	14.219.540.000	92.720.000
<i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	021.1		13.842.350.000	86.610.000
<i>TSTC chờ thanh toán</i>	021.5		377.190.000	6.110.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022		9.770.000	-
<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	022.1		9.770.000	-
Tiền gửi của khách hàng	026	18(c)	4.572.279.375	98.953.710
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027		2.060.372.795	88.027.960
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		2.511.906.580	9.925.750
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		-	1.000.000
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước</i>	029.1		-	1.000.000
Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	18(d)	2.060.372.795	88.027.960
<i>Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý</i>	031.1		2.060.372.795	88.027.960

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Người lập



Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt




Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024****Mẫu B02a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	19	2.456.575.835	2.449.835.615
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		28.260.619	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06		104.329.410	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		560.291	-
Cộng doanh thu hoạt động	20		2.589.726.155	2.449.835.615
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	20	10.086.784.120	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.040.984	-
Cộng chi phí hoạt động	40		10.087.825.104	-
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42	21	59.658.316	7.050.355
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		59.658.316	7.050.355
CHI PHÍ QUẢN LÝ	62	22	6.468.882.713	4.498.350.716
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 62)	70		(13.907.323.346)	(2.041.464.746)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

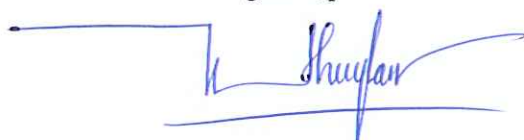
Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B02a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71		-	1.000.000
Chi phí khác	72		-	257.558.490
Kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		-	(256.558.490)
TỔNG LỖ KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ				
(90 = 70 + 80)	90		(13.907.323.346)	(2.298.023.236)
Lỗ đã thực hiện	91		(13.907.323.346)	(2.298.023.236)
CHI PHÍ THUẾ TNDN				
	100	23	-	-
LỖ KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN				
(200 = 90 - 100)	200		(13.907.323.346)	(2.298.023.236)
THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
	500		-	-
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	24	(481)	(146)

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Người lập



Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng



Người duyệt



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03b – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế TNDN	01	(13.907.323.346)	(2.298.023.236)
Điều chỉnh cho các khoản	02	1.991.818.747	1.322.226.178
Khấu hao tài sản cố định	03	1.991.818.747	1.329.276.533
Lãi từ hoạt động đầu tư	07	-	(7.050.355)
(Lỗ)/ lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động	30	(242.635.344.872)	20.559.120.322
(Tăng)/giảm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32	(239.000.000.000)	14.500.000.000
Tăng các khoản cho vay	33	(367.803.772)	-
(Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36	(1.801.246.080)	34.410.958
Tăng phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	37	(2.067.486)	-
Giảm các tài sản khác	40	104.669.838	6.832.031.235
Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41	360.115.580	3.127.914
Tăng chi phí trả trước	42	(1.202.812.328)	(634.975.009)
Giảm phải trả người bán	45	(761.513.258)	(567.908.312)
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	-	135.152.800
Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)	47	390.597.369	69.626.536
Giảm phải trả người lao động	48	(339.331.769)	(2.310.000)
Tăng phải trả, phải nộp khác	50	16.047.034	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51	-	189.964.200
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52	(32.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(254.550.849.471)	19.583.323.264

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV**Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024****(tiếp theo)****Mẫu B02a – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	61	-	(22.450.558.000)
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65	-	7.050.355
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	-	(22.443.507.645)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71	299.250.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	299.250.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (90 = 60 + 70 + 80)	90	44.699.150.529	(2.860.184.381)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	9.547.355.043	22.424.897.378
▪ Tiền	101.1	4.047.355.043	3.424.897.378
▪ Các khoản tương đương tiền	101.2	5.500.000.000	19.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	54.246.505.572	19.564.712.997
▪ Tiền	103.1	4.486.505.572	3.064.712.997
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	49.760.000.000	16.500.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

**Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024
(tiếp theo)**

Mẫu B02a – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

PHÂN LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	35.271.826.930	-
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(68.114.932.020)	-
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	37.483.773.185	-
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(166.894.375)	-
Tiền chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11	(448.055)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	20	4.473.325.665	-
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30	98.953.710	-
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:			
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	31	98.953.710	-
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	88.027.960	-
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	9.925.750	-
▪ Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	34	1.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	4.572.279.375	-
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:			
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	41	4.572.279.375	-
▪ Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	2.060.372.795	-
▪ Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	2.511.906.580	-

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Người lập

Trần Thị Thủy Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

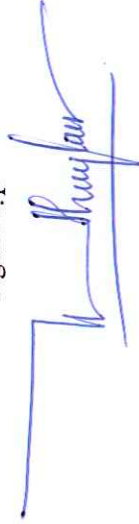
Mẫu B04a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn chủ sở hữu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Số dư cuối kỳ	
	01/01/2023	01/01/2024	30/06/2023	30/06/2024	30/06/2023	30/06/2024
	VND	VND	(Giảm) VND	Tăng VND	(Giảm) VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	157.500.000.000	157.500.000.000	-	299.250.000.000	-	157.500.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết (i)	157.500.000.000	157.500.000.000	-	299.250.000.000	-	157.500.000.000
Lỗi lũy kế	(81.028.259.098)	(94.089.912.564)	(2.298.023.236)	-	(13.907.323.346)	(83.326.282.334)
Lỗi sau thuế đã thực hiện	(81.028.259.098)	(94.089.912.564)	(2.298.023.236)	-	(13.907.323.346)	(83.326.282.334)
Tổng cộng	76.471.740.902	63.410.087.436	(2.298.023.236)	299.250.000.000	(13.907.323.346)	74.173.717.666
						348.752.764.090

(i) Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty đã hoàn thành việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu chào bán là 29.925.000 cổ phiếu và thu về 299,25 tỷ VND vào ngày 12 tháng 04 năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường lần 01 năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024.

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Người lập



Trần Thị Thúy Lan
 Kế toán trưởng

Người duyệt



Nguyễn Tấn Huy
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV (“Công ty”) (tên cũ là Công ty Cổ phần Chứng khoán Hưng Thịnh) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động kinh doanh chứng khoán số 105/UBCK-GP ngày 25 tháng 03 năm 2009 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Thành lập và Hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 29/GPĐC-UBCK ngày 10 tháng 05 năm 2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty số 0307929497 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày ngày 25 tháng 03 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp lần thứ năm số 0307929497 ngày 29 tháng 05 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 2, Tòa nhà IMV, 87 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024, Công ty không có chi nhánh.

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật lần gần nhất vào ngày 22 tháng 04 năm 2024.

(b) Vốn điều lệ của Công ty

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn điều lệ của Công ty là 456.750.000.000 VND (01/01/2024: 157.500.000.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 16 nhân viên (01/01/2024: 15 nhân viên).

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (“TSTC”) được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

Tài sản tài chính

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(d) và Thuyết minh 3(f).

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện việc cẩn trừ trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán khoản nợ.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tiền gửi của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay bao gồm các khoản cho vay ký quỹ và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng.

Các khoản cho vay ký quỹ và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị cho các khoản cho vay ký quỹ và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị cho các khoản cho vay ký quỹ và khoản ứng trước tiền bán chứng khoán được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản vay khoản và ứng trước với giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản nhận thế chấp tương ứng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay và ứng trước được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(e) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các TSTC phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các TSTC mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- các TSTC đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- các TSTC thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc hoặc giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

Dự phòng giảm giá trị TSTC cho các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc khi có bằng chứng chắc chắn là Công ty khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Các TSTC sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các TSTC giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của TSTC;
- được thực hiện sau khi Công ty thu được phần lớn tiền gốc của các TSTC này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- có liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC và từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; hoặc người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên ước tính về khả năng thu hồi của các khoản phải thu, nhưng không thấp hơn mức dự phòng dựa vào thời gian quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 05 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 05 – 10 năm

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

Chương trình, phần mềm

Giá mua của chương trình, phần mềm mới mà chương trình, phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 đến 8 năm.

(i) Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc dưới hình thức chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian mà số tiền được trả trước hoặc khoảng thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 tháng đến 3 năm.

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày ở các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá trị thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



(m) **Vốn cổ phần**

(i) **Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá).

(iii) **Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) **Doanh thu**

(i) **Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập, mà chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được chia.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ bao gồm doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán, nghiệp vụ lưu ký chứng khoán và dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp, dựa trên tỷ lệ phần trăm dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Công ty, với tư cách là bên đi thuê, đã không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được phân loại là tài sản thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán, nếu có) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày và tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm và, do đó, không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty không lập báo cáo bộ phận giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 vì Công ty chỉ có hoạt động môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(s) Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền ký quỹ, ký cược là một phần tài sản của Công ty.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ này và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ/năm trước.

(u) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm theo dõi quy trình quản trị rủi ro và kiểm soát hoạt động để đảm nhận diện, xử lý và kiểm soát rủi ro.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản phải thu của Công ty.

Tài sản bảo đảm

Giá trị và loại tài sản bảo đảm yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản bảo đảm và đánh giá tài sản bảo đảm. Các loại tài sản bảo đảm thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá thị trường của tài sản bảo đảm, yêu cầu cung cấp thêm tài sản bảo đảm theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản bảo đảm thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền:		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	4.477.161.511	4.041.713.817
Các khoản tương đương tiền (i)	49.760.000.000	5.500.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)	269.000.000.000	30.000.000.000
Các khoản cho vay (ii)	367.803.772	-
Các khoản phải thu khác:		
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC (ii)	1.812.210.463	10.964.383
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp (ii)	2.096.276	28.790
Trả trước cho người bán (ii)	-	750.000
Tạm ứng (ii)	-	224.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	258.446.000	226.446.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán (ii)	120.080.162	-
	325.797.798.184	40.003.902.990

(i) *Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có bậc tín nhiệm cao. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) *Các khoản phải thu về cho vay và tài sản khác*

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay, các khoản phải thu và các tài sản khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến các khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Tại 30 tháng 06 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024, Công ty không có các khoản cho vay và phải thu đã quá hạn nhưng không suy giảm giá trị.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và khoản thanh toán tiền lãi ước tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14.880.450	14.880.450	14.880.450
Phải trả người bán ngắn hạn	1.882.262.580	1.882.262.580	1.882.262.580
Chi phí phải trả ngắn hạn	2.240.773.580	2.240.773.580	2.240.773.580
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.042.491	7.042.491	7.042.491
	4.144.959.101	4.144.959.101	4.144.959.101

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	209.207	209.207	209.207
Phải trả người bán ngắn hạn	2.643.775.838	2.643.775.838	2.643.775.838
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.880.658.000	1.880.658.000	1.880.658.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.666.700	5.666.700	5.666.700
	4.530.309.745	4.530.309.745	4.530.309.745

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, tức là VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có các số dư từ các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	54.237.161.511	9.541.713.817
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	269.000.000.000	30.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	54.246.505.572	54.246.505.572	9.547.355.043	9.547.355.043
▪ Các khoản cho vay	367.803.772	(*)	-	(*)
▪ Các khoản phải thu	1.812.210.463	(*)	10.964.383	(*)
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	2.096.276	(*)	28.790	(*)
▪ Tam ứng	-	-	224.000.000	(*)
▪ Ký quỹ, ký cược dài hạn	258.446.000	(*)	226.446.000	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	120.080.162	(*)	-	-
	269.000.000.000	(*)	30.000.000.000	(*)

Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn – ngắn hạn

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(14.880.450)	(*)	(209.207)	(*)
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	(1.882.262.580)	(*)	(2.643.775.838)	(*)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(2.240.773.580)	(*)	(1.880.658.000)	(*)
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(7.042.491)	(*)	(5.666.700)	(*)

(*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường của các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.



Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	9.344.061	5.641.226
Tiền gửi ngân hàng	4.477.161.511	4.041.713.817
Các khoản tương đương tiền (*)	49.760.000.000	5.500.000.000
	54.246.505.572	9.547.355.043

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm từ 2,6% - 4,0% (01/01/2024: 2,6%).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Kỳ sáu tháng	
	kết thúc ngày 30/06/2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện
	Số lượng	VND
Cửa nhà đầu tư		
Cổ phiếu	4.777.527	104.347.879.130

7. Các tài sản tài chính

(a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến 12 tháng	269.000.000.000	30.000.000.000

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 5,3% đến 5,5% (01/01/2024: 5%).

(b) Các khoản cho vay

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	367.803.772	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng đối với tiền thu từ bán chứng khoán được hưởng lãi suất năm từ 10,5% đến 13,5%.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

8. Các khoản phải thu

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	1.812.210.463	10.964.383
Phải thu khác	2.096.276	28.790
	1.814.306.739	10.993.173
	1.814.306.739	10.993.173

9. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Chi phí bản quyền phần mềm	854.304.163	-
Chi phí thuê tủ mạng	534.600.000	178.200.000
Chi phí kết nối đường truyền	256.619.922	102.155.012
Công cụ, dụng cụ	3.169.082	19.163.364
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.010.748	107.029.423
	1.799.703.915	406.547.799
	1.799.703.915	406.547.799

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	251.648.677	246.122.519
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	451.505.302	602.007.064
Chi phí kết nối đường truyền	241.666.662	291.666.666
Chi phí trả trước dài hạn khác	179.293.351	174.661.531
	1.124.113.992	1.314.457.780
	1.124.113.992	1.314.457.780

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	19.933.503.700	284.350.000	20.217.853.700
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.161.937.782	262.673.790	3.424.611.572
Khấu hao trong kỳ	1.304.787.297	5.568.750	1.310.356.047
Số dư cuối kỳ	4.466.725.079	268.242.540	4.734.967.619
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	16.771.565.918	21.676.210	16.793.242.128
Số dư cuối kỳ	15.466.778.621	16.107.460	15.482.886.081

Kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2023

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.181.771.900	284.350.000	2.466.121.900
Tăng trong kỳ	17.751.731.800	-	17.751.731.800
Số dư cuối kỳ	19.933.503.700	284.350.000	20.217.853.700
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	816.671.965	251.272.822	1.067.944.787
Khấu hao trong kỳ	2.345.265.817	11.400.968	2.356.666.785
Số dư cuối kỳ	3.161.937.782	262.673.790	3.424.611.572
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.365.099.935	33.077.178	1.398.177.113
Số dư cuối kỳ	16.771.565.918	21.676.210	16.793.242.128

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản cố nguyên giá là 1.190.937.000 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 (01/01/2024: 432.575.000 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	Chương trình, phần mềm VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	12.919.312.000	30.000.000	12.949.312.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.916.247.729	1.032.258	2.917.279.987
Khấu hao trong kỳ	678.462.700	3.000.000	681.462.700
Số dư cuối kỳ	3.594.710.429	4.032.258	3.598.742.687
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	10.003.064.271	28.967.742	10.032.032.013
Số dư cuối kỳ	9.324.601.571	25.967.742	9.350.569.313
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023			
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	2.634.460.000	-	2.634.460.000
Tăng trong kỳ	10.284.852.000	30.000.000	10.314.852.000
Số dư cuối kỳ	12.919.312.000	30.000.000	12.949.312.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	2.261.611.419	-	2.261.611.419
Khấu hao trong kỳ	654.636.310	1.032.258	655.668.568
Số dư cuối kỳ	2.916.247.729	1.032.258	2.917.279.987
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	372.848.581	-	372.848.581
Số dư cuối kỳ	10.003.064.271	28.967.742	10.032.032.013

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 2.634.460.000 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 (01/01/2024: 1.794.460.000 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

12. Ký quỹ, ký cược dài hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền đặt cọc thuê văn phòng	226.446.000	226.446.000
Tiền đặt cọc cho các hợp đồng dịch vụ	32.000.000	-
	258.446.000	226.446.000

13. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 05 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động của tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Tiền nộp thêm trong kỳ	120.080.162	-
	120.080.162	-

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Di Động Trực Tuyến	1.107.705.000	-
Các bên thứ ba		
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	750.000.000	2.625.000.000
Phải trả các đối tượng khác	24.557.580	18.775.838
	1.882.262.580	2.643.775.838

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ không được đảm bảo, chịu lãi suất và phải trả trong vòng 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/06/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	3.079.748	(3.079.748)	-
Thuế thu nhập cá nhân	131.483.086	760.343.113	(369.745.744)	522.080.455
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	131.483.086	766.422.861	(375.825.492)	522.080.455

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí dịch vụ, phát triển phần mềm	1.083.407.000	1.840.158.000
Tiền thưởng cho nhân viên	976.549.241	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	180.817.339	40.500.000
	2.240.773.580	1.880.658.000

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

(a) Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2024		01/01/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	45.675.000	456.750.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.675.000	456.750.000.000	15.750.000	157.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	45.675.000	456.750.000.000	15.750.000	157.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Số dư đầu kỳ	157.500.000.000	157.500.000.000
Góp vốn bằng tiền mặt của:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	146.632.500.000	-
Góp vốn bằng tiền mặt của Nguyễn Thị Mỹ Hòa	50.872.500.000	-
Góp vốn bằng tiền mặt của Lê Hùng Cường	50.872.500.000	-
Góp vốn bằng tiền mặt của Lê Công Trường	50.872.500.000	-
Số dư cuối kỳ	456.750.000.000	157.500.000.000

(b) Cơ cấu cổ đông

	Tỷ lệ sở hữu %	30/06/2024 VND	Tỷ lệ sở hữu %	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động Trực tuyến	49,00%	223.807.500.000	49,00%	77.175.000.000
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hòa	17,00%	77.647.500.000	17,00%	26.775.000.000
Ông Lê Hùng Cường	17,00%	77.647.500.000	17,00%	26.775.000.000
Ông Lê Công Trường	17,00%	77.647.500.000	17,00%	26.775.000.000
	100%	456.750.000.000	100%	157.500.000.000

18. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính

(a) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	900.000.000	900.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

	30/06/2024		01/01/2024	
	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND	Số lượng	Giá trị theo mệnh giá VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do	1.384.235	13.842.350.000	8.661	86.610.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	37.719	377.190.000	611	6.110.000
	1.421.954	14.219.540.000	9.272	92.720.000

(c) Tiền gửi của khách hàng

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	2.060.372.795	88.027.960
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	2.060.372.795	88.027.960
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	2.511.906.580	9.925.750
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	-	1.000.000
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	-	1.000.000
	4.572.279.375	98.953.710

(d) Phải trả nhà đầu tư

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	2.060.372.795	88.027.960
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	2.060.372.795	88.027.960
	2.060.372.795	88.027.960

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

19. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024	30/06/2023
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.456.575.835	2.449.835.615

20. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024	30/06/2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.142.455.692	-
Khấu hao tài sản cố định	1.744.449.930	-
Chi phí lương cho nhân viên	779.781.714	-
Phí quản lý thành viên và chi phí cho hoạt động môi giới	302.771.136	-
Chi phí khác	117.325.648	-
	10.086.784.120	-

21. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024	30/06/2023
	VND	VND
Thu nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn	59.658.316	7.050.355

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí quản lý

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024	30/06/2023
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	4.660.806.204	1.518.174.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.255.168.787	1.464.718.110
Chi phí khấu hao TSCĐ	247.368.817	1.329.276.533
Chi phí công cụ, dụng cụ	87.019.956	70.732.073
Chi phí thuế, phí và lệ phí	5.000.000	29.000.000
Chi phí vật tư văn phòng	3.921.866	1.763.820
Chi phí khác	209.597.083	84.685.683
	6.468.882.713	4.498.350.716

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024	30/06/2023
	VND	VND
Lỗ kế toán trước thuế	(13.907.323.346)	(2.298.023.236)
Các khoản mục điều chỉnh		
Cộng chi phí không được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	817.151.637	1.409.023.434
Thu nhập chịu thuế	(13.090.171.709)	(888.999.802)
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN còn phải nộp cuối kỳ	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	30/06/2024		01/01/2024	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	43.937.674.490	8.787.534.898	30.847.502.781	6.169.500.556

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào năm các năm sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2027	Đã quyết toán	29.308.353.943
2028	Chưa quyết toán	1.539.148.838
2029	Chưa quyết toán	13.090.171.709
		43.937.674.490

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

24. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lỗ cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được dựa trên số lỗ sau thuế thuộc về cổ đông phổ thông báo cáo là 13.907.323.346 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023: lỗ 2.298.023.236 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 28.903.846 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023: 15.750.000 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lỗ thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
Lỗ sau thuế đã thực hiện thuộc về cổ đông phổ thông	(13.907.323.346)	(2.298.023.236)

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	15.750.000	15.750.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	13.153.846	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ	28.903.846	15.750.000

(iii) Lỗi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
Lỗi cơ bản trên cổ phiếu	(481)	(146)

25. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024 VND	30/06/2023 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần dịch vụ Di động Trực tuyến		
Góp vốn	146.632.500.000	-
Chi phí dịch vụ phát triển phần mềm	5.755.629.863	-
Chi phí dịch vụ - thu chi hộ	113.514.038	-
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Ông Đỗ Quang Thuận	-	-
Ông Võ Trần Duy	-	-
Ông Đoàn Từ Tích Phước	-	-
Ông Nguyễn Tấn Huy	604.144.375	152.508.548
Bà Nguyễn Lê Thúy	430.585.000	366.466.538

Công ty Cổ phần Chứng khoán CV
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

26. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	996.362.400	996.362.400
Từ 1 đến 5 năm	415.151.000	996.362.400
	<hr/>	<hr/>
	1.411.513.400	1.992.724.800
	<hr/>	<hr/>

27. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng số 114/GCN-UBCK ngày 26 tháng 07 năm 2024.

28. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi yếu tố thời vụ hay chu kỳ.

29. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán của Công ty khi lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này so với báo cáo tài chính năm gần nhất.

30. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có sự thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.



Công ty Cổ phần Chứng khoán CV

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 06 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a – CTCK


(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

31. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 13 tháng 08 năm 2024

Người lập



Trần Thị Thúy Lan
Kế toán trưởng

Người duyệt



Nguyễn Tấn Huy
Tổng Giám đốc

